



ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phát hành ngày 07/10/2026

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.CK1.096

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật gồm hai đoạn thẳng: đoạn thứ nhất nối (0 s; 0 m) với (9 s; 43 m), đoạn thứ hai nối (9 s; 43 m) với (14 s; 43 m). Vận tốc của vật trên đoạn thứ hai bằng

- A. 43 m/s B. 3, 1 m/s C. 0 m/s D. 4, 8 m/s

Câu 2. Việc nào sau đây là phép đo trực tiếp?

- A. Tính điện trở từ số chỉ vôn kế và ampe kế.
B. Tính tốc độ từ quãng đường và thời gian đã đo.
C. Tính khối lượng riêng từ khối lượng và thể tích đã đo.
D. Đọc nhiệt độ của nước trên nhiệt kế.

Câu 3. Một ô tô bắt đầu từ vận tốc 8 m/s, chuyển động thẳng biến đổi đều với gia tốc 2 m/s². Sau 9 s, vận tốc của một ô tô bằng

- A. 26 m/s B. –10 m/s C. 18 m/s D. 170 m/s

Câu 4. Vật ném xiên trong trọng trường đều, vận tốc đầu theo hai trục $u_x = 9$ m/s, $u_y = 16$ m/s. Trục y hướng lên, $g = 10$ m/s² bỏ lực cản không khí. Tính thời gian đạt đỉnh quỹ đạo theo giây, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- A. 160 s B. 1, 6 s C. 3, 2 s D. 0, 8 s

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 5. Với $F_c = kv^2$, tốc độ tăng gấp 2 lần thì lực cản tăng gấp bao nhiêu lần?

Câu 6. Vật ở vị trí 36 m rồi tới vị trí –24 m trên trục Ox . Tính độ dịch chuyển của vật (trả lời kèm dấu).

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 7. Một chiếc xe đẩy khối lượng 6 kg chịu hợp lực 57 N. Tính gia tốc của vật.

.....

.....

.....

Câu 8. Cho năm thao tác sau: (1) nhìn thẳng vào chùm laser để kiểm tra xem đèn có sáng không. (2) nếm thử hoá chất để nhận biết. (3) kéo dây để rút phích cắm ra khỏi ổ. (4) cất dụng cụ khi mạch điện vẫn còn đóng nguồn. (5) để dây dẫn vắt ngang lối đi giữa hai bàn. Có bao nhiêu thao tác được phép làm?

.....

.....

.....